TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ G, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Ngọc T trình bày: bà và ông H tự nguyện tìm hiểu quen biết và đi đến hôn nhân vào năm 2015, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H nhậu nhẹt và không phụ giúp vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Ông H dọn về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng hơn 02 tháng nay. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: có 01 con chung tên là Lê Văn Thái D, sinh ngày 25/7/2014, hiện đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông H đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H. Ông H có nơi cư trú tại xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông H xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài từ năm 2019 đến nay, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2023 đến nay. Bà T xác định không còn tình cảm với ông H, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông H, hôn nhân không hạnh phúc, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Lê Văn Thái D, sinh ngày 25/7/2014. Nhận thấy, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay thì bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Trong thời gian cháu D sống với mẹ đã ổn định về điều kiện sinh hoạt, chỗ ở và môi trường học tập. Mặt khác, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 02/02/2024, cháu D có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu D, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà T trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T được ly hôn ông Lê Văn H.

- Về con chung: Bà Trần Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Văn Thái D, sinh ngày 25/7/2014.

Bà Trần Ngọc T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0001455 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà T đã nộp xong.

Nguyên đơn bà Trần Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Lê Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên